

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HÀM YÊN  
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **23/2022/HNGĐ-ST**

Ngày 26/01/2022

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM YÊN, TỈNH TUYÊN QUANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Ma Thị Tuyết Mai.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Việt Phương

2. Bà Đàm Thị Kim Duyên

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:** Bà Vũ Phương Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 26/01/2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 169/2021/TLST- HNGĐ, ngày 15 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 22 tháng 12 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 10 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị L, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn Y, xã Y, huyện C, tỉnh T (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Vũ Văn T, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn T1, xã B, huyện H, tỉnh T (vắng mặt không có lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

**\* Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị L trình bày:**

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị và anh Vũ Văn T kết hôn với nhau năm 2012 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán của địa phương và có đăng ký kết hôn ngày 12/10/2012 tại UBND xã B, huyện H, tỉnh T. Cuộc sống chung vợ chồng ban đầu hạnh phúc, đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau, anh T không tu chí làm ăn, mặc dù đã được gia đình khuyên bảo nhiều lần nhưng anh T không có sự thay đổi. Khi mâu thuẫn xảy ra vợ chồng hay cãi chửi nhau, thực tế vợ chồng đã sống ly thân nhau và trong thời gian sống ly thân vợ chồng không quan tâm gì đến nhau. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh T, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vũ Văn T.

- *Về con chung:* Chị và anh T có 02 con chung là cháu Vũ Gia H, sinh ngày 15/3/2013 và cháu Vũ Ngọc O, sinh ngày 22/10/2016 hiện cả hai cháu đang ở cùng với

chị. Khi ly hôn chị đề nghị được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cả hai cháu đến khi trưởng thành và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản, đất đai, công nợ chung*: Chị xác định không có, không yêu cầu giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã báo gọi anh Vũ Văn T đến để giải quyết vụ án nhưng anh T đều không có mặt. Qua xác minh tại địa phương, hiện nay anh T vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Tân Bình 1, xã Bình Xa, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang. Theo lời khai của bà Nguyễn Thị T (là mẹ đẻ anh T), anh T và chị L được tự do tìm hiểu, tự nguyện đến với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Cuộc sống chung của anh chị thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2019 thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T ham chơi, tụ tập bạn bè, không tu chí làm ăn. Sau đó cả hai vợ chồng đi làm ăn xa, không còn quan tâm đến nhau. Hiện tại anh T đi làm tại Hà Nội, vẫn thường xuyên liên lạc về cho bà và thỉnh thoảng về thăm gia đình nhưng không thông báo địa chỉ cụ thể nơi anh T ở. Gia đình bà có nhận được các văn bản của Tòa án nhiều lần và thông báo cho anh T biết nhưng anh T không đến Tòa án làm việc được và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Anh T và chị L có 02 con chung là cháu Vũ Gia H và Vũ Ngọc O, cả hai cháu đều đang sống cùng chị L và có sự hỗ trợ của ông bà hai bên trong việc đưa đón các cháu đi học.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định; bị đơn chưa chấp hành đúng nghĩa vụ quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 28, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Xử cho chị Trần Thị L được ly hôn với anh Vũ Văn T; giao cháu Vũ Gia H, sinh ngày 15/3/2013 và cháu Vũ Ngọc O, sinh ngày 22/10/2016 cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đi lại thăm con chung; chị Trần Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Theo cung cấp của địa phương thì anh Vũ Văn T có hộ khẩu thường trú và vẫn sinh sống thôn T1, xã B, huyện H. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập, anh T và gia đình anh T đã biết nhưng anh T không đến Tòa án để làm việc, đây được xem là trường hợp người bị kiện cố tình giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ nên Tòa án vẫn giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị L và anh Vũ Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, do cả hai không còn cùng chung sống, không quan tâm đến nhau và đã ly thân từ năm 2019 đến nay nên không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, T bộ. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị L là xử cho chị L được ly hôn với anh Vũ Văn T.

[2] Về con chung: Chị Trần Thị L và anh Vũ Văn T có 02 con chung là cháu Vũ Gia H, sinh ngày 15/3/2013 và cháu Vũ Ngọc O, sinh ngày 22/10/2016, hiện tại đang sống cùng với chị L. Do anh T đi làm ăn xa, không có mặt tại gia đình, căn cứ vào ý kiến của con chung (cháu Vũ Gia H có nguyện vọng được ở với mẹ) và để đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của con cái thì cần giao cả hai cháu cho chị Trần Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp với quy định của pháp luật. Do chị L không yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị Trần Thị L không đề nghị Toà án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Trần Thị L phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm; các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **\* Tuyên xử:**

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị L được ly hôn với anh Vũ Văn T.
- Về con chung: Giao cháu Vũ Gia H, sinh ngày 15/3/2013 và cháu Vũ Ngọc O, sinh ngày 22/10/2016 cho chị Trần Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Vũ Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.
- Về án phí: Chị Trần Thị L phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0004533, ngày 15/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang; ghi nhận chị Trần Thị L đã thi hành xong khoản tiền án phí. Anh Vũ Văn T không phải chịu án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Hàm Yên;
- Chi cục THADS huyện Hàm Yên;
- UBND xã B (nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ma Thị Tuyết Mai**



